

Số: 3577/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác
Hệ thống Thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo trong các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 -2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2337/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành hướng dẫn về tiêu chuẩn kỹ thuật, về cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các

hệ thống thông tin báo cáo trong hệ thống thông tin báo cáo quốc gia phục vụ quá trình thực hiện chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Văn bản số 598/VPCP-KSTT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn xây dựng, kết nối Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, ngành, địa phương với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 3047/TTr-STTTT ngày 15 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về việc quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đơn vị ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- Chánh và các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KGVX, Loctn.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



QUY CHẾ

Về việc quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai

*(Kèm theo Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan phải có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo đơn vị mình trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai phục vụ quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quy định này không áp dụng quản lý, khai thác các báo cáo mật.

3. Đối tượng áp dụng

a) Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, các huyện, thành phố trong đó bắt buộc áp dụng đối với chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê theo Quyết định 36/2020/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh.

b) Khuyến khích các cơ quan, tổ chức không thuộc điểm a, khoản 3, Điều này áp dụng quy chế này tại cơ quan, đơn vị mình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống thông tin báo cáo là Hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo và cung cấp số liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của bộ, cơ quan, địa phương và cung cấp số liệu theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Báo cáo là một loại văn bản hành chính (gồm văn bản giấy và văn bản điện tử) của cơ quan, tổ chức, cá nhân để thể hiện tình hình, kết quả thực hiện công việc nhằm giúp cho cơ quan, người có thẩm quyền có thông tin phục vụ việc phân tích, đánh giá, điều hành và ban hành các quyết định quản lý phù hợp.

3. Chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước là những yêu cầu cụ thể về việc thực hiện báo cáo do cơ quan, người có thẩm quyền trong hệ thống hành chính nhà nước ban hành và bắt buộc các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan phải thực hiện.

4. Chế độ báo cáo định kỳ là chế độ báo cáo được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin tổng hợp của các cơ quan hành chính nhà nước, được thực hiện theo một chu kỳ xác định và lặp lại nhiều lần.

5. Chế độ báo cáo chuyên đề là chế độ báo cáo được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin có tính chuyên sâu về một chủ đề nào đó và phải thực hiện một hoặc nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định.

6. Chế độ báo cáo đột xuất là chế độ báo cáo được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin về vấn đề phát sinh bất thường.

7. Thời gian chốt số liệu báo cáo là khoảng thời gian tính từ thời điểm bắt đầu lấy số liệu của kỳ báo cáo đến thời điểm kết thúc việc lấy số liệu để thực hiện việc xây dựng báo cáo.

8. Thời gian cập nhật số liệu lên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai:

a) Trường hợp báo cáo theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh áp dụng theo phụ lục II đính kèm Quy chế này.

b) Trường hợp báo cáo của cơ quan, địa phương áp dụng theo quy định tại cơ quan, địa phương đó ban hành.

Điều 3. Vai trò Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai

1. Là đầu mối tích hợp tất cả báo cáo trực tuyến của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, các huyện, thành phố thuộc tỉnh, kết nối thống nhất với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

2. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai có địa chỉ truy cập trên mạng Inernet là “<https://baocao.dongnai.gov.vn>”.

Điều 4. Giá trị pháp lý của báo cáo

Báo cáo điện tử được xác thực bằng chữ ký số của cơ quan, tổ chức có giá trị pháp lý tương đương như bản gốc.

Điều 5. Yêu cầu đối với cơ quan gửi báo cáo

1. Thu thập, tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu báo cáo bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo yêu cầu.

2. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung thông tin, số liệu theo yêu cầu trong trường hợp cơ quan nhận báo cáo trả lại trên Hệ thống.

Điều 6. Yêu cầu đối với cơ quan nhận báo cáo

1. Kiểm tra, tổng hợp thông tin, số liệu từ các báo cáo gửi đến, duyệt và báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. Kịp thời trả lại và yêu cầu cơ quan gửi báo cáo điều chỉnh, bổ sung đối với những báo cáo không bảo đảm tính đầy đủ, chính xác.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 7. Quy định về cung cấp mẫu báo cáo trực tuyến

1. Các biểu mẫu báo cáo đăng ký cập nhật lên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải có quy định cụ thể chế độ báo cáo như: Tên biểu mẫu báo cáo, danh sách đối tượng báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, cán bộ thực hiện tổng hợp báo cáo, lãnh đạo duyệt báo cáo. Đồng thời, phân loại báo cáo nhập theo dạng số liệu hay dạng thuyết minh để thuận tiện cho người thiết kế biểu mẫu và đối tượng thực hiện báo cáo.

2. Ưu tiên áp dụng báo cáo trực tuyến đối với các biểu mẫu thu thập số liệu từ các cơ quan, đơn vị bên ngoài đơn vị chủ trì báo cáo.

Điều 8. Các bước thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai

1. Quy trình báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai được thực hiện theo các bước tại phụ lục I kèm theo Quy chế này.

2. Một số trình tự thực hiện báo cáo cần lưu ý như sau:

a) Đổi mật khẩu: các cơ quan, đơn vị được cấp tài khoản đăng nhập Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai phải thực hiện đổi mật khẩu sử dụng ngay lần đăng nhập đầu tiên nhằm đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu báo cáo.

b) Thiết kế biểu mẫu báo cáo: các cơ quan, đơn vị tổng hợp biểu mẫu báo cáo của ngành, địa phương gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp thiết kế lên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai.

c) Giao chỉ tiêu báo cáo: Sau khi nhận văn bản thông báo của Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan, đơn vị chủ trì báo cáo thực hiện thao tác giao báo cáo cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

d) Thực hiện báo cáo: áp dụng cho các đối tượng báo cáo

- Chuyên viên thực hiện báo cáo tổng hợp và nhập số liệu báo cáo theo thời gian quy định trình lãnh đạo đơn vị phê duyệt.

- Lãnh đạo đơn vị kiểm tra báo cáo hoàn chỉnh, thực hiện ký số gửi đơn vị nhận báo cáo.

e) Tổng hợp số liệu và trình: Đơn vị chủ trì báo cáo tổng hợp số liệu và sử dụng số liệu theo nhu cầu của đơn vị.

3. Các thao tác cụ thể trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai được đính kèm tại mục tiện ích, tài liệu hướng dẫn sử dụng.

Điều 9. Quản lý, quản trị Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai

1. Trung tâm CNTT tỉnh (trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông) đơn vị được giao quản trị vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai.

2. Tài khoản người sử dụng: Các đơn vị được cấp tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai, như sau:

a) Đối với các cơ quan cấp tỉnh được cấp 03 tài khoản gồm: Tài khoản nhập số liệu báo cáo, tài khoản duyệt và gửi báo cáo, tài khoản thiết kế biểu mẫu báo cáo.

b) Đối với đơn vị trực thuộc quản lý của đơn vị cấp tỉnh được cấp 02 tài khoản gồm: tài khoản nhập số liệu báo cáo, tài khoản duyệt và gửi báo cáo.

c) Ngoài ra, tùy theo nhu cầu quản lý, tổng hợp số liệu, các đơn vị chủ trì báo cáo có thể đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông cấp bổ sung tài khoản theo dõi tổng hợp số liệu báo cáo theo lĩnh vực chuyên môn thuộc đơn vị quản lý.

Điều 10. Nguyên tắc cập nhật, tổng hợp và khai thác dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai

Cập nhật và khai thác dữ liệu báo cáo như sau:

1. Việc cập nhật nội dung báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai phải bảo đảm đầy đủ, chính xác và kịp thời, thống nhất từ địa phương đến tỉnh và Trung ương (nếu có) để đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Việc khai thác dữ liệu báo cáo của các cơ quan, địa phương trên cơ sở phân định quyền hạn, trách nhiệm cụ thể, đồng thời tuân thủ Luật tiếp cận thông tin.

3. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, hoạt động ổn định và lưu trữ lâu dài, đúng mục đích, tạo thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu cung cấp thông tin từ Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai.

4. Bảo đảm quyền của các tổ chức, cá nhân được tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin trong Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 11. Quyền của các cơ quan, địa phương trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện chịu trách nhiệm rà soát, đăng ký biểu mẫu báo cáo theo nhu cầu của đơn vị mình quản lý gửi về Sở Thông tin và Truyền thông thiết kế lên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

2. Các cơ quan hành chính nhà nước được quyền khai thác cơ sở dữ liệu về Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai theo phân cấp quản lý và truy xuất dữ

liệu trực tiếp trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của đơn vị mình.

3. Văn phòng UBND tỉnh sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai cho việc tổng hợp, phân tích dữ liệu và dự báo tình hình, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức và cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo

1. Tổ chức sử dụng, cập nhật các số liệu chỉ tiêu trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai được phân công tại phụ lục II đính kèm Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và chỉ tiêu báo cáo số liệu của cơ quan mình theo đúng thời gian quy định.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc chia sẻ, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo do mình cung cấp trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai.

3. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ báo cáo trực tuyến, sử dụng trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định.

4. Phản ánh kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai về cho Sở Thông tin và Truyền thông.

5. Quản lý đảm bảo bảo mật, thường xuyên thay đổi mật khẩu đối với tài khoản truy cập trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai được cấp theo quy định.

6. Đăng ký mới/thu hồi tài khoản sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện.

7. Thống kê gửi đề xuất về Sở Thông tin và Truyền thông tập huấn nghiệp vụ cho các cán bộ, phòng ban tham gia khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai khi cần.

Điều 13. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

1. Thống kê việc thực hiện báo cáo để đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ban ngành, UBND các huyện và thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê đúng theo thời gian quy định tại Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh.

2. Định kỳ hàng tháng tổng hợp, đánh giá kết quả việc thực hiện chế độ báo cáo theo thẩm quyền để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và đề xuất với UBND tỉnh giải pháp nâng cao hiệu quả công tác báo cáo, các biện pháp chế tài (nếu có).

3. Chủ trì công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, thời hạn công bố chậm nhất là sau 15 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định chế độ báo cáo có hiệu lực thi hành.

4. Sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai cho việc tổng hợp, phân tích dữ liệu và dự báo tình hình, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh.

5. Bố trí nhân sự tham gia theo dõi, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh và liên thông dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì phối hợp với Cục Thống kê và các đơn vị liên quan thực hiện thu thập, tổng hợp và cập nhật thông tin dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo hướng dẫn Văn phòng Chính phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Thường xuyên rà soát, cung cấp các chỉ tiêu báo cáo thống kê thay đổi so với Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh gửi về Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật lên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

3. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ban ngành, UBND các huyện và thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia nhập số liệu các chỉ tiêu được phân công tại Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh. Đồng thời rà soát tính chính xác các số liệu cập nhật lên hệ thống báo cáo tỉnh theo các chỉ tiêu đã giao cho các ngành tại Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục thuê dịch vụ, duy trì hoạt động Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp giám sát, bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai; hướng dẫn các cơ quan, địa phương nghiệp vụ khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai.

3. Bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời chứng thư số cho các cơ quan, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức (nếu có) trong các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước phục vụ thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai.

4. Chỉ đạo Trung tâm CNTT tỉnh quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật CNTT đảm bảo Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh vận hành thông suốt; phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để thực hiện việc sao lưu dữ liệu định kỳ của phần mềm, khôi phục lại dữ liệu khi xảy ra sự cố.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, đảm bảo kết nối liên thông dữ liệu với Hệ thống Thông tin báo cáo của Chính phủ.

6. Ngăn chặn các tấn công từ bên ngoài, bảo mật hệ thống thông tin, bảo mật tài khoản truy nhập, thông tin dữ liệu của người sử dụng.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Đảm bảo kinh phí phục vụ cho việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và duy trì hoạt động Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh giúp hệ thống hoạt động liên tục, ổn định.

2. Tham gia cung cấp biểu mẫu, triển khai cập nhật dữ liệu của ngành trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đảm bảo số liệu cung cấp cho các Trung tâm điều hành trên địa bàn tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Tham mưu đưa tiêu chí nhiệm vụ thực hiện báo cáo trực tuyến trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai vào nội dung đánh giá công vụ và thi đua khen thưởng hàng năm nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc báo cáo, thống kê hành chính.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này theo đúng quy định.

Điều 19. Việc sửa đổi, bổ sung

1. Việc quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai phải tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định về an toàn thông tin theo quy định hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.



Phụ lục I

QUY TRÌNH THỰC HIỆN BÁO CÁO TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO

(Kèm theo Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Bước	Lưu đồ	Mô tả	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Báo cáo theo các cấp đơn vị (Sở/ban/ngành và UBND các cấp)				
Bước 1		Các đơn vị cung cấp biểu mẫu báo cáo	Sở/ban/ngành và UBND các cấp	
Bước 2		- Thiết lập kỳ báo cáo, chế độ báo cáo và các đơn vị thực hiện báo cáo - Thiết lập biểu mẫu và cập nhật vào hệ thống	Sở TT&TT, Trung tâm CNTT tỉnh	05 ngày làm việc từ ngày nhận được yêu cầu
Bước 3		- Các đơn vị kiểm tra đối chiếu biểu mẫu báo cáo trên hệ thống với báo cáo đã cung cấp. - VNPT chỉnh sửa yêu cầu của các đơn vị đưa ra	Sở/ban/ngành và UBND các cấp phối hợp cùng Trung tâm CNTT tỉnh	
Bước 4		- Các đơn vị thông báo thời gian sử dụng hệ thống. - VNPT thực hiện kích hoạt các báo cáo theo yêu cầu	Sở/ban/ngành và UBND các cấp phối hợp cùng Trung tâm CNTT tỉnh	
Bước 5		Chuyên viên phụ trách giao báo cáo, lựa chọn các đơn vị thực hiện tương ứng với các biểu mẫu cần báo cáo theo kỳ và chế độ báo cáo.	Đơn vị giao báo cáo	Tối đa 02 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo từ Sở TT&TT
Bước 6		Chuyên viên phụ trách mảng báo cáo của đơn vị thực hiện báo cáo tiến hành nhập liệu và trình lãnh đạo	Đơn vị nhận báo cáo	Tối đa trong 02 ngày làm việc sau ngày chốt số liệu báo cáo
Bước 7		- Lãnh đạo thực hiện kiểm tra báo cáo: + TH1: Sai -> chuyển trả chuyên viên nhập lại -> trình lại -> kiểm tra lại + TH2: Đúng -> thực hiện ký số -> nộp báo cáo cho đơn vị giao báo cáo.	Đơn vị nhận báo cáo	Tối đa 01 ngày làm việc sau khi nhận số liệu tổng hợp báo cáo
Bước 8		- Tổng hợp tất cả các báo cáo từ các đơn vị thực hiện gửi về: + TH1: Sai -> chuyển trả đơn vị sai + TH2: Đúng -> trình lãnh đạo đơn vị	Đơn vị giao báo cáo	Theo tình hình thực tế
Bước 9		Lãnh đạo thực hiện kiểm tra báo cáo: + TH1: Sai -> chuyển trả chuyên viên tổng hợp lại -> trình lại -> kiểm tra lại + TH2: Đúng -> thực hiện ký số	Đơn vị giao báo cáo	Tối đa 01 ngày làm việc sau khi nhận được số liệu tổng hợp báo cáo



Phụ lục II

**THỜI GIAN CẬP NHẬT SỐ LIỆU CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO THEO QUYẾT ĐỊNH 36/2020/QĐ-UBND
NGÀY 31/8/2020 CỦA UBND TỈNH TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO TỈNH ĐỒNG NAI**
(Kèm theo Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời gian cập nhật số liệu trên Hệ thống TTBC tỉnh Đồng Nai	Đề cương báo cáo/Biểu mẫu báo cáo theo Quyết định 36/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh	Cơ quan chủ trì, tổng hợp gửi UBND tỉnh
01	Báo cáo công tác hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh. - Hội, Hiệp hội doanh nghiệp của tỉnh.	- Cơ quan thường trực Ban hành Động hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai.	Trước ngày 20 của tháng cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Mẫu số 1- Phụ lục II	Sở Kế hoạch và Đầu tư
02	Báo cáo tình hình triển khai các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh theo phân cấp	- Chủ đầu tư báo cáo từng dự án nhận báo cáo từ chủ đầu tư cấp tỉnh. - Chủ đầu tư báo cáo từng dự án nhận báo cáo từ Phòng Tài chính Kế hoạch. - Phòng Tài chính kế hoạch báo cáo tổng hợp các dự án cấp huyện.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận báo cáo từ chủ đầu tư dự án cấp tỉnh và nhận báo cáo từ Phòng Tài chính Kế hoạch. - UBND cấp huyện nhận báo cáo từ Phòng Tài chính Kế hoạch.	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Mẫu số 2- Phụ lục II	Sở Kế hoạch và Đầu tư
03	Báo cáo tình hình triển khai các nhiệm vụ liên quan đến dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành	- Các thành viên của Ban chỉ đạo. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan. - UBND các huyện, thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường- Thường trực Ban chỉ đạo Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Tài nguyên và Môi trường

04	Báo cáo tình hình triển khai các dự án thoát nước khắc phục tình trạng ngập úng đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	- Các Sở ban ngành của tỉnh. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở xây dựng	Trước ngày 20 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Xây dựng
05	Báo cáo tình hình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
06	Báo cáo tình hình phát triển đô thị	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở Xây dựng	Trước ngày 20 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Xây dựng
07	Báo cáo tình hình phát triển xây dựng.	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở Xây dựng	Trước ngày 20 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Xây dựng
08	Báo cáo tình hình phát triển nhà ở	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở Xây dựng	Trước ngày 20 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Xây dựng
09	Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở Khoa học và Công nghệ	Trước ngày 20/12	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Khoa học và Công nghệ

10	Báo cáo tình hình phát triển hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở Công Thương	Trước ngày 20 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Công Thương
11	Báo cáo tình hình phát triển thương mại	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở Công Thương	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Mẫu số 4- Phụ lục II	Sở Công Thương
12	Báo cáo tình hình phát dịch vụ trên địa bàn tỉnh	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Mẫu số 5- Phụ lục II	Sở Kế hoạch và Đầu tư
13	Báo cáo tình hình quản lý phát triển khu công nghiệp; công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	- Ban quản lý Các khu công nghiệp - Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Mẫu số 6- Phụ lục II	- Ban quản lý Các khu công nghiệp - Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học
14	Báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện nhiệm vụ của các Sở, ban ngành, địa phương do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh. - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	- Văn phòng UBND tỉnh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Mẫu số 7- Phụ lục II	- Văn phòng UBND tỉnh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
15	Báo cáo công tác trật tự an toàn xã hội, công tác an toàn giao thông.	- UBND các huyện, thành phố. - Các Sở ban ngành của tỉnh.	- Công an tỉnh - Ban An toàn Giao thông tỉnh	Trước ngày 25 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Mẫu số 8- Phụ lục II	Công an tỉnh